TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày: 20-3-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Thượng**;
2. Ông **Nguyễn Minh Tuấn**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Bùi Văn Cương**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vịnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp H P, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 4, k p 4, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp H T, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trương Văn N**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp H T, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/7/2017 của chị Lê Thị Kim T, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của chị T là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 20/4/2016, chị T có cho bà H vay số tiền 660.000.000 đồng, có làm giấy, lãi suất thỏa thuận ghi trong giấy là 0,70%/tháng, mục đích vay để xây nhà trọ và đáo hạn Ngân hàng. Theo thỏa thuận thì bà H phải trả góp cho chị T trong thời hạn 84 tháng, mỗi tháng trả 12.350.000 đồng (trong đó tiền gốc là 7.850.000 đồng và 4.500.000 đồng tiền lãi), thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/4/2023. Tính đến ngày 20/9/2016, bà H chỉ mới trả cho chị T được 26.000.000 đồng tiền gốc thì không trả nữa. Chị T đi đòi nhiều lần nhưng bà H cứ hứa hẹn mà không trả nên chị T mới khởi kiện.

Tại phiên tòa, bà H đại diện cho chị T yêu cầu bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền gốc là 634.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 22 tháng theo mức lãi suất 1,125%/tháng, thành tiền là 156.915.000 đồng; tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 790.915.000 đồng. Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Bà H và ông N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. buộc bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T 634.000.000 đồng tiền gốc và 156.915.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 790.915.000 đồng.

+ Ghi nhận chị T tự nguyện chịu 1.020.000 đồng chi phí giám định.

+ Buộc bà H và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị T là bà H yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông N trả cho chị T 634.000.000 đồng tiền gốc và 156.915.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 790.915.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của chị T thấy rằng: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2016 thì bà H có vay của chị T số tiền 660.000.000 đồng. Theo Kết luận giám định số 101/GT.2017 ngày 09/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công anh tỉnh Tây Ninh thì chữ ký và chữ viết họ tên bà H trong Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2016 là do bà H ký và viết ra nên việc bà H có vay tiền của chị T theo Hợp đồng vay tiền nói trên là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà H và ông N. Tuy nhiên, bà H, ông N không hợp tác và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H và ông N là vợ chồng đang còn chung sống với nhau; bà H vay tiền của chị T trong thời kỳ hôn nhân; theo đoạn băng ghi âm do phía chị T cung cấp thể hiện ông N có biết sự việc bà H vay tiền của chị T và khi chị T đến đòi nợ thì ông N có khất nợ với chị T; Tòa án đã nhiều lần niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác tại nhà ông N, bà H nhưng ông N cũng không có ý kiến gì nên cần buộc ông N cùng có nghĩa vụ trả số nợ này cho chị T. Vì vậy, cần buộc bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền nợ gốc là 634.000.000 đồng là phù hợp với quy định các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của chị T thấy rằng: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2016 thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất khi vay và phía bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị T từ ngày 20/5/2016. Tại phiên tòa hôm nay, bà H chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng đối với số tiền gốc là 634.000.000 đồng và chỉ tính từ ngày 20/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với thời hạn 22 tháng là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 634.000.000 đồng X 1,125%/tháng X 22 tháng = 156.915.000 đồng.

[2.3] Như vậy, cần buộc bà H và ông N cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị T tổng số tiền cả gốc lẫn lãi là 634.000.000 đồng + 156.915.000 đồng = 790.915.000 đồng.

[3] Về chi phí giám định: Tại phiên Tòa, bà H đại diện cho chị T tự nguyện chịu 1.020.000 đồng chi phí giám định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà H và ông N phải chịu 35.636.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho chị T 16.677.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T đối với bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị Lê Thị Kim T 634.000.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu) đồng tiền gốc và 156.915.000 (một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 790.915.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu chín trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N còn phải trả cho người được thi hành án chị Lê Thị Kim T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Ghi nhận chị Lê Thị Kim T tự nguyện chịu 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng chi phí giám định (đã nộp và chi phí xong).

3. Về án phí:

- Bà Trần Mỹ H và ông Trương Văn N phải chịu 35.636.600 (Ba mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Lê Thị Kim T 16.677.000 (Mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0024486 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H, ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung